Biểu số 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính)

UBND QUẬN LONG BIÊN

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIA THỤY

Chương: 622 - Loại: 070- Khoản: 072

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2023

Căn cứ Nghị định số: 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số: 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thực hiện Quyết định số: 9899/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND Quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 của quận Long Biên.

Thực hiện Quyết định số 3426/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của UBND Quận Long Biên về việc bổ sung kinh phí cải cách tiền lương đảm bảo quỹ tiền lương cho các phòng, ban ngành, hội đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập và UBND các phường trên địa bàn quận (đợt 1) năm 2023.

Căn cứ quyết định số 3617/QĐ-UBND ngày 23/08/2023 của UBND Quận Long Biên về việc giao quyền và kinh phí tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị trường học công lập thuộc quận Long Biên năm 2023;

Căn cứ quyết định số 3734/QĐ-UBND ngày 31/08/2023 của UBND Quận Long Biên về việc điều chỉnh giảm kinh phí ngân sách giao không tự chủ đối với các trường học tại Quyết định số 9899/QĐ-UBND ngày 26/12/2022, Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của UBND quận Long Biên, để giao kinh phí tự chủ đối với các trường học thuộc quận Long Biên và hoàn trả ngân sách quận (kinh phí chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo);

Trường Tiểu học Gia Thụy công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Quý IV năm 2023 như sau:

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý IV năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quý IV năm 2023 so với cùng kì năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
1	Chi sự nghiệp……..				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý IV năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quý IV năm 2023 so với cùng kì năm trước (tỷ lệ %)
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**				
a	Lệ phí				
b	Phí				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**				
I	**Nguồn ngân sách trong nước**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**11.084.400.000**	**4.069.031.097**	**36,71**	**94,38**
3.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**10.340.400.000**	**3.453.317.843**	**33,40**	**80,10**
	Mục 6000: Lương theo ngạch, bậc	4.304.476.000	952.166.918	22,12	91,35
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	112.320.000	28.830.000	25,67	102,67
	Mục 6100: Phụ cấp lương	2.527.835.000	561.797.168	22,22	86,98
	Mục 6200: Tiền thưởng	34.650.000	34.200.000	98,70	0,00
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	320.700.000	297.102.500	92,64	0,00
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	1.216.019.000	327.380.469	26,92	109,76
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		866.261.600	0,00	0,00
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	226.600.000	71.769.375	31,67	87,41
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	206.000.000	36.477.200	17,71	344,26
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	56.340.000	33.452.773	59,38	178,57
	Mục 6650: Hội nghị	23.000.000	0	0,00	#DIV/0!
	Mục 6700: Công tác phí	11.700.000	1.800.000	15,38	100,00
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	528.920.000	135.980.000	25,71	62,62
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	252.140.000	0	0,00	0,00
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn			0,00	0
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	398.650.000	37.792.480	9,48	116,78
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	23.500.000	12.000.000	51,06	0,00
	Mục 7750: Chi khác	97.550.000	6.307.360	6,47	48,00
	Mục 7950: Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định		50.000.000	0,00	0,00

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý IV năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quý IV năm 2023 so với cùng kì năm trước (tỷ lệ %)
3.2	**10% tiết kiệm chi TX thực hiện CCTL**	**744.000.000**	**615.713.254**	**0,00**	**0,00**
	Mục 6000: Lương theo ngạch, bậc	**413.807.000**	339.100.054	81,95	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	**216.432.000**	177.390.541	81,96	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	**113.761.000**	99.222.659	87,22	
3.3	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**0**			
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
5	**Chi đảm bảo xã hội**				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
II	**Nguồn vốn viện trợ**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
5	**Chi đảm bảo xã hội**				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
5	**Chi đảm bảo xã hội**				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý III năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quý III năm 2023 so với cùng kì năm trước (tỷ lệ %)
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 08 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN Q. LONG BIÊN TP HÀ NỘI
TRƯỜNG TIỂU HỌC GIA THỤY

Bùi Thị Thu Hằng